

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
(đã được kiểm toán)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	02-03
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	04-10
Báo cáo của Ngân hàng giám sát	11
Báo cáo kiểm toán độc lập	12-13
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	14-54
Báo cáo thu nhập	14
Báo cáo tình hình tài chính	15-16
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	17
Báo cáo danh mục đầu tư	18-19
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	20-21
Thuyết minh báo cáo tài chính	22-54

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital (“Quỹ”) trình bày báo cáo này và phê duyệt báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

QUỸ

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở và hoạt động theo Giấy chứng nhận chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 16/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 03 năm 2014 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 10/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 04 năm 2014. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là công ty con của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 21/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 71/GPĐC-UBCK cấp ngày 30 tháng 09 năm 2024.

BAN ĐẠI DIỆN VÀ BAN ĐIỀU HÀNH QUỸ

Các thành viên của Ban đại diện trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Lê Văn Bé	Chủ tịch
Bà: Lê Hoàng Yến	Thành viên
Bà: Đào Thùy Dương	Thành viên
Bà: Đỗ Thị Thu Trang	Thành viên

Các thành viên của Ban điều hành Quỹ trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà: Bùi Thị Trang Nhung	Giám đốc Đầu tư (Bổ nhiệm ngày 26/06/2025)
Ông: Giang Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 26/06/2025)
Ông: Bạch Thế Phong	Giám đốc Đầu tư

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 09 năm 2003 thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 06 năm 2020 và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01 tháng 08 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan. Ngân hàng giám sát được chỉ định theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ lưu ký - giám sát số 01/2021/HĐLKGS/BIDV.HTH-MBCapital ngày 15 tháng 07 năm 2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết với Ban Đại diện Quỹ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

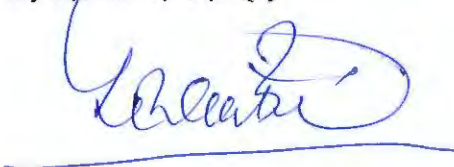
CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết rằng Quỹ tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 về việc sửa đổi Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Lê Văn Bé

Chủ tịch Ban đại diện

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1 . THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

1.1 . Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu chính của Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital (“Quỹ”) là đầu tư trung và dài hạn vào các doanh nghiệp nhằm đạt hiệu quả đầu tư tối ưu từ cổ tức và sự tăng giá gắn liền với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Mục tiêu của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

1.2 . Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính của Quỹ đã được soát xét, tính đến kỳ báo cáo, giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ tăng 109,40% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ tại đầu kỳ báo cáo; NAV trên 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ (“CCQ”) của Quỹ tăng 20,85% so với giá trị đầu kỳ báo cáo.

1.3 . Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Chiến lược đầu tư

Để đạt được mục tiêu đã đề ra, Quỹ sẽ sử dụng mô hình và chiến lược đầu tư giá trị, theo đó:

- Quỹ sẽ nhắm tới các doanh nghiệp được niêm yết trên sàn, có chính sách và có khả năng chi trả cổ tức tốt, có thị giá thấp hơn nhiều so với giá trị định giá theo các mô hình định lượng cơ bản;
- Quỹ hướng tới việc phân bổ danh mục với mục tiêu tối ưu hóa tỷ suất cổ tức kỳ vọng trên thị giá của toàn danh mục;
- Quỹ cũng hướng tới việc quản lý theo cơ chế minh bạch và chủ động, thông qua việc xây dựng hệ thống tiêu chí giới hạn của riêng mình và các hoạt động đánh giá định kỳ, chủ động của Hội đồng Đầu tư.

Lĩnh vực, ngành nghề dự kiến đầu tư

Với chiến lược đầu tư giá trị, cơ cấu danh mục đầu tư theo ngành nghề của Quỹ sẽ thay đổi theo thời gian tùy vào những biến động và cơ hội xuất hiện trên thị trường. Dự kiến lĩnh vực đầu tư của Quỹ sẽ tập trung vào nhưng không giới hạn ở những ngành nghề sau với tỷ trọng phân bổ theo các nhóm ngành không vượt quá những hạn chế đầu tư theo quy định hiện hành. Các ngành nghề bao gồm:

- | | |
|----------------------------------|--------------------------------|
| - Ngân hàng - Dịch vụ tài chính; | - Hàng tiêu dùng; |
| - Thực phẩm - Nước giải khát; | - Bảo hiểm; |
| - Vật liệu - Khai khoáng; | - Hàng hóa công nghiệp; |
| - Cơ sở hạ tầng - Bất động sản; | - Dược phẩm; |
| - Tiện ích công cộng; | - Vận tải; |
| - Năng lượng; | - Dịch vụ; |
| - Bán lẻ; | - Dệt may - Thiết bị phụ tùng. |

Các loại tài sản được phép đầu tư

Các loại tài sản mà Quỹ được đầu tư bao gồm:

- Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, Chứng chỉ Quỹ đại chúng;
- Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- + Đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
- + Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.
- Chứng khoán phải sinh niên yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;
- Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

1.4 . Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở.

1.5 . Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ

Nhà đầu tư vào Quỹ có thể dễ dàng bán lại Chứng chỉ Quỹ cho Quỹ vào các ngày giao dịch định kỳ. Tuy nhiên, nếu Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ Quỹ trong thời gian ngắn sẽ chịu mức phí mua lại được quy định trong Bản cáo bạch của Quỹ. Vì vậy, tùy thuộc vào thị trường, nhu cầu của Nhà đầu tư mà Nhà đầu tư có thể tự quyết định thời gian đầu tư vào Quỹ.

1.6 . Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital được thành lập ngày 25 tháng 4 năm 2014 theo Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập Quỹ đại chúng số 10/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

1.7 . Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 99.148.632.300 VND, tương đương với 9.914.863,23 chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ là 266.923.346.404 VND.

1.8 . Chỉ số tham chiếu

Không áp dụng.

1.9 . Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ thực hiện chia lợi tức bằng tiền hoặc Chứng chỉ Quỹ. Tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi phân phối lợi tức, Công ty Quản lý Quỹ phải thông báo đến Nhà đầu tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo quy định pháp luật.

Việc chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:

- Lợi tức phân phối cho Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
- Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho Nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng Quỹ sau khi chi trả lợi tức phải không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ VND. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
- Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
- Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét;

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận của Quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung.

1.10 . Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ

Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

2 . SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG**2.1 . Cơ cấu tài sản của Quỹ**

	31/12/2025 %	31/12/2024 %	31/12/2023 %
1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	33,30%	13,37%	8,58%
2. Danh mục chứng khoán	66,31%	82,38%	90,88%
3. Tài sản khác	0,39%	4,25%	0,54%
	100%	100%	100%

2.2 . Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	DVT	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2023
Giá trị tài sản ròng của Quỹ VND		266.923.346.404	127.468.252.308	198.351.778.175
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành CCQ		9.914.863,23	5.721.591,43	10.789.903,13
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ VND		26.922	22.278	18.383
Giá trị tài sản ròng cao nhất của một đơn vị CCQ trong kỳ VND		28.433	22.310	19.126
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của một đơn vị CCQ trong kỳ VND		19.865	18.382	15.682
Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ %		20,85%	21,19%	17,22%
- Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)		6,84%	15,36%	16,04%
- Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)		14,01%	5,83%	1,18%
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ %		2,37%	2,40%	2,01%
Tốc độ vòng quay danh mục %		52,59%	53,01%	76,20%

2.3 . Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ %	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm %
1 năm đến thời điểm báo cáo	20,85%	20,85%
3 năm đến thời điểm báo cáo	71,66%	19,74%
Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo	176,22%	9,08%

2.4 . Tăng trưởng hàng kỳ

Thời kỳ	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2022
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	20,85%	21,19%	17,22%	-16,80%

3 . MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

3.1 Tình hình kinh tế vĩ mô

Kinh tế năm 2025 tăng trưởng 8,02%, cao thứ hai trong giai đoạn 2011 - 2025 nhờ động lực chính từ dịch vụ và sản xuất công nghiệp.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cả nước tháng 12 năm 2025 tăng 0,19% so với tháng trước, và tăng 3,31% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung năm 2025, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 475,04 tỷ USD, tăng 17,0% so với cùng kỳ; kim ngạch nhập khẩu ước đạt 455,01 tỷ USD, tăng 19,4% so với cùng kỳ; cán cân thương mại xuất siêu ở mức 20,03 tỷ USD.

Đến năm 2025, tỷ giá trung tâm USD/VND ở mức 25.121 đồng, tăng ~ 3,32% so với đầu năm.

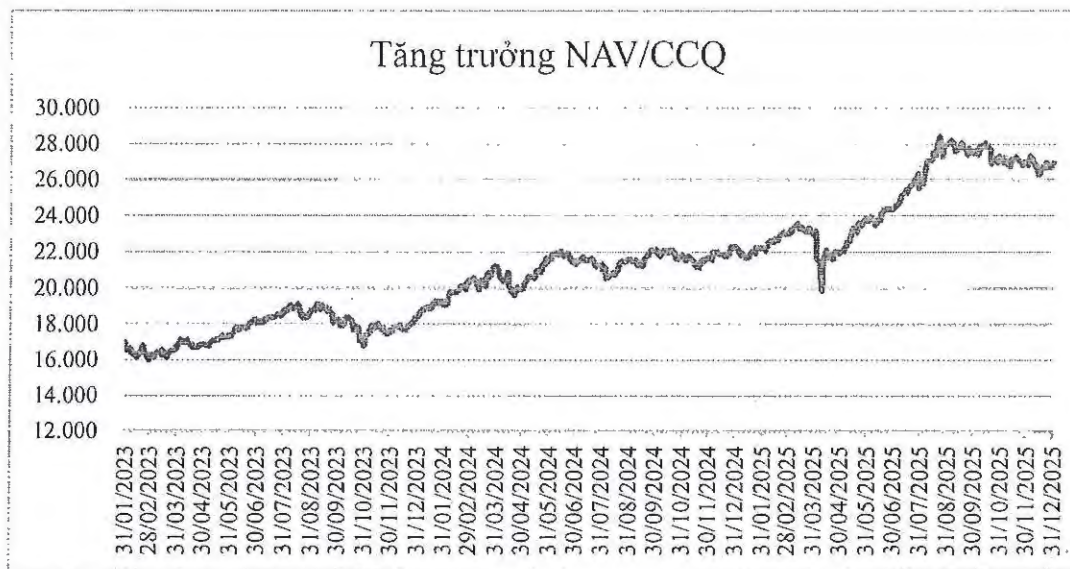
3.2 Tình hình thị trường chứng khoán

Kết thúc năm 2025, VNINDEX tăng 40%. Thị trường trải qua nhiều giai đoạn biến động rất mạnh trong năm. Sau nhịp sụt giảm mạnh vào tháng 4 sau thông tin về thuế đối ứng của Mỹ, thị trường chứng khoán Việt Nam đã liên tục tăng mạnh với thanh khoản kỷ lục. Yếu tố hỗ trợ cho thị trường trong giai đoạn này là thông tin về việc nâng hạng thị trường, mặt bằng lãi suất thấp và Chính phủ quyết tâm đạt mức tăng trưởng kinh tế cao. Bắt đầu từ giai đoạn cuối quý III, mặc dù điểm số của VNINDEX vẫn duy trì ở vùng rất cao, thị trường đã diễn biến rất phân hóa với việc mức tăng tập trung gần như toàn bộ vào các doanh nghiệp trong nhóm VinGroup trong khi hầu hết các nhóm ngành khác có mức độ điều chỉnh tương đối sâu từ vùng đỉnh.

4 . SỐ LIỆU CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**4.1 . Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo %	3 năm đến thời điểm báo cáo %	Từ thời điểm thành lập đến thời điểm báo cáo %
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	14,01%	22,63%	117,40%
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	6,84%	49,04%	58,82%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	20,85%	71,66%	176,22%
Tăng trưởng hàng năm (%)/1 đơn vị CCQ	20,85%	19,74%	9,08%

Biểu đồ tăng trưởng giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị Chứng chỉ quỹ hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất như sau:



Thay đổi giá trị tài sản ròng

	31/12/2025	31/12/2024	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	266.923.346.404	127.468.252.308	109,40%
Giá trị tài sản ròng/ 1 đơn vị CCQ	26.922	22.278	20,85%

4.2 . Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

Quy mô nắm giữ (đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị CCQ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	14.109	3.640.698,93	36,72%
Từ 5.000 đến 10.000	157	1.101.301,26	11,11%
Từ trên 10.000 đến 50.000	127	2.587.791,46	26,10%
Từ trên 50.000 đến 500.000	16	1.830.194,29	18,46%
Trên 500.000	1	754.877,29	7,61%
	14.410	9.914.863,23	100%

5 . THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Các thông tin vĩ mô dự báo sẽ bớt tích cực so với năm 2025 khi mặt bằng lãi suất dự báo vẫn tiếp tục tăng ít nhất đến hết nửa đầu năm 2026 và sẽ duy trì ở vùng cao. Dự địa chính sách tiền tệ đã ít đi đáng kể khi tỷ lệ tín dụng/GDP vượt 146% và dự trữ ngoại hối ở mức thấp.

Do đó, mặc dù triển vọng tăng trưởng lợi nhuận của các doanh nghiệp vẫn khá khả quan, khả năng thị trường sẽ khó duy trì được đà tăng trưởng mạnh liên tục như năm 2025 và các nhịp rung lắc điều chỉnh sẽ xuất hiện với tần suất nhiều hơn.

Về dài hạn, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn đang là kênh đầu tư hấp dẫn nhờ vào triển vọng tăng trưởng kinh tế bền vững và chu kì phát triển hạ tầng mới của Chính phủ. Quỹ sẽ tiếp tục tận dụng các nhịp điều chỉnh của thị trường để tích lũy các cổ phiếu chất lượng trong năm 2026.

6 . THÔNG TIN KHÁC

Đội ngũ quản lý quỹ

Ông Bạch Thế Phong
Giám đốc Đầu tư

Ông Bạch Thế Phong có gần 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán. Gia nhập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB vào năm 2015, ông từng đảm nhiệm vị trí Trưởng Bộ phận Tư vấn Đầu tư. Ông Phong là thành viên Hiệp hội CFA (CFA Charter Holder), thành viên của cộng đồng CFA Singapore từ năm 2019.

Bà Bùi Thị Trang Nhung
Giám đốc Đầu tư

Bà Bùi Thị Trang Nhung có hơn 08 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán. Gia nhập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ MB từ năm 2015 với vị trí chuyên viên phân tích đầu tư cao cấp và trợ lý quản lý danh mục đầu tư, hiện bà Nhung phụ trách hoạch định, đề xuất chiến lược và giải pháp đầu tư. Bà Nhung là thành viên hiệp hội các nhà đầu tư phân tích tài chính (CFA Charter Holder) từ năm 2019.

Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ đầu tư MB

Ông Chu Hồng Kiên
Tổng Giám đốc

Ông Chu Hồng Kiên có hơn 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Ngân hàng. Trước khi gia nhập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB, ông Kiên từng là Giám đốc Chi nhánh Thủ Đức - Ngân hàng TMCP Quân đội.

Ông Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc

Ông Giang Trung Kiên có trên 19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng - Đầu tư. Trước khi gia nhập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB trong vai trò Giám đốc Phân tích, ông Kiên là Giám đốc Phân tích đầu tư của Công ty Chứng khoán FPT và chuyên viên cao cấp phòng Dự án của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Ông Kiên có bằng Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của trường Đại học Deakin (Melbourne, Australia) và chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do UBCKNN cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Ban Đại diện Quỹ

Ông Lê Văn Bé

Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ

Ông Lê Văn Bé là một trong những sáng lập viên của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội ("MB") và nguyên là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc của Ngân hàng. Ông cũng nguyên là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB từ năm 2006 đến năm 2012. Với hơn 32 năm kinh nghiệm và am hiểu sâu sắc lĩnh vực tài chính ngân hàng và đầu tư tại Việt Nam, ông Bé đã góp công lớn trong việc xây dựng MB trở thành một trong những ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu Việt Nam.

Bà Lê Hoàng Yến

Thành viên Ban Đại diện Quỹ

Bà Lê Hoàng Yến có hơn 27 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kế toán, tài chính. Bà Yến đã từng có thời gian làm việc tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng và công tác tại Phòng Tài chính, Kế toán và phòng Treasury của Ngân hàng ING (Hà Lan). Bà Yến hiện đang phụ trách tài chính, vốn và nguồn vốn tại Công ty NTT Việt Nam (là một công ty thuộc tập đoàn NTT của Nhật Bản). Bà Yến đã trở thành thành viên của Hiệp hội kế toán Công chứng Anh (ACCA) vào tháng 3 năm 2012.

Bà Đào Thùy Dương

Thành viên Ban Đại diện Quỹ

Bà Đào Thùy Dương có trên 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Ngân hàng. Bà Dương hiện đang là Trưởng Bộ phận Đầu tư Công ty Bảo hiểm Nhân thọ MB Ageas. Trước đó, bà Dương từng làm việc cho KPMG và Ngân hàng Quân đội (MB). Bà Dương tốt nghiệp Đại học La Trobe, chuyên ngành Phân tích tài chính.

Bà Đỗ Thị Thu Trang

Thành viên Ban Đại diện Quỹ

Bà Đỗ Thị Thu Trang tốt nghiệp Cử nhân Luật học và Thạc sỹ Luật kinh tế tại Đại học Luật Hà Nội. Bà Trang từng đảm nhiệm công việc tư vấn pháp lý nội bộ; tư vấn về hoạt động đầu tư, giao dịch trên thị trường vốn; quản lý hoạt động pháp chế và tuân thủ tại các tổ chức như Ngân hàng TMCP Quân Đội, Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT, Công ty TNHH Tư vấn TekLaw, Công ty TNHH Tài chính MB Shinsei.



Giang Trung Kiên

Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ đầu tư Giá trị MB Capital ("Quỹ") cho năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Với sự hiểu biết của chúng tôi, trong năm tài chính Quỹ đầu tư giá trị MB Capital đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

b) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan. Tuy nhiên tại một số thời điểm cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ có phát sinh sai lệch, cụ thể như sau:

- Tại các kỳ định giá từ ngày 25/03/2025 đến 21/04/2025, từ ngày 24/04/2025 đến 27/05/2025, từ ngày 21/07/2025 đến 30/07/2025, tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của quỹ, chưa đáp ứng quy định tại điểm e khoản 4 điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020.

c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Việc phát hành và giao dịch Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

e) Trong kỳ, quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận.

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2026

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Mạnh Cường

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Quỳnh Vân

Số: 020226. 009 /BCTC.KT7

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Nhà đầu tư và Ban Đại diện
Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital được lập ngày 03 tháng 02 năm 2026, từ trang 13 đến trang 53, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính và Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025; Báo cáo thu nhập, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Quỹ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2023-002-1

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026

A blue ink signature, likely belonging to Đoàn Thị Thúy, written in a cursive style.

Đoàn Thị Thúy

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

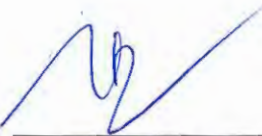
số: 0937-2023-002-1

BÁO CÁO THU NHẬP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		39.439.819.187	33.986.122.345
02	1.1 Cổ tức, trái tức được chia	3	4.529.450.750	4.498.072.859
03	1.2 Tiền lãi được nhận	4	1.314.978.337	493.673.557
04	1.3 Lãi, lỗ bán các khoản đầu tư	5	23.307.153.027	5.290.457.231
05	1.4 Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	6	10.288.237.073	23.703.918.698
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		255.150.731	168.478.950
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	7	255.150.731	168.478.950
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		4.422.939.961	3.112.256.982
20.1	3.1 Phí quản lý quỹ mở		3.513.135.101	2.225.289.134
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở		249.667.700	229.475.551
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát		66.000.000	66.000.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị quỹ mở		198.000.000	198.000.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		158.400.000	158.400.000
20.8	3.6 Chi phí kiểm toán		55.000.000	54.450.000
20.10	3.7 Chi phí hoạt động khác	8	182.737.160	180.642.297
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		34.761.728.495	30.705.386.413
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-	-
24.1	5.1 Thu nhập khác		-	-
24.2	5.2 Chi phí khác		-	-
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		34.761.728.495	30.705.386.413
31	6.1 Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện		24.473.491.422	7.001.467.715
32	6.2 Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		10.288.237.073	23.703.918.698
40	VII. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")		-	-
41	VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		34.761.728.495	30.705.386.413


 Nguyễn Thị Sao Mai
 Người lập


 Phạm Thị Thu Hương
 Phụ trách kế toán


 Giang Trung Kiên
 Phó Tổng Giám đốc
 Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
 Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	9	91.900.654.317	18.484.262.731
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		9.900.654.317	10.984.262.731
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng		82.000.000.000	7.500.000.000
120	2. Các khoản đầu tư thuần	10	182.991.068.900	118.868.792.800
121	2.1 Các khoản đầu tư		182.991.068.900	118.868.792.800
121	2.1.1 Các khoản đầu tư cổ phiếu		182.958.668.900	113.868.792.800
121	2.1.2 Quyền mua cổ phiếu		32.400.000	-
121	2.1.3 Tiền gửi có kỳ hạn lớn hơn 3 tháng		-	5.000.000.000
130	3. Các khoản phải thu	11	1.054.330.639	878.013.699
131	3.1 Phải thu về bán các khoản đầu tư		871.227.900	-
133	3.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		183.102.739	878.013.699
136	3.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		183.102.739	878.013.699
100	TỔNG TÀI SẢN		275.946.053.856	138.231.069.230
Mã số	NGUỒN VỐN			
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
315	1. Phải trả tiền mua chứng khoán	12	8.085.577.500	10.261.198.680
316	2. Chi phí phải trả	13	27.500.000	27.500.000
317	3. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	14	328.339.836	208.072.373
318	4. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	15	135.461.062	52.123.708
319	5. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	16	445.829.054	213.922.161
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		9.022.707.452	10.762.816.922
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ	17	266.923.346.404	127.468.252.308
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		99.148.632.300	57.215.914.300
412	1.1 Vốn góp phát hành		1.385.816.695.200	1.283.336.037.400
413	1.2 Vốn góp mua lại		(1.286.668.062.900)	(1.226.120.123.100)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		27.209.521.504	(35.551.126.097)
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	18	140.565.192.600	105.803.464.105
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		26.922	22.278

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

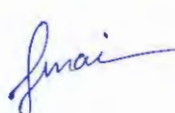
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

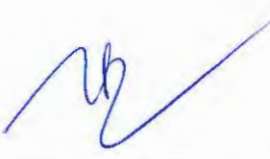
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	31/12/2024
			VND	VND
440	V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ		4.515.227.682	4.515.227.682
442	2. Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư lũy kế từ khi thành lập Quỹ mở đến kỳ lập báo cáo		4.515.227.682	4.515.227.682

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2025	31/12/2024
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	22	9.914.863,23	5.721.591,43

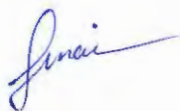

 Nguyễn Thị Sao Mai
 Người lập


 Phạm Thị Thu Hương
 Phụ trách kế toán


 Giang Trung Kiên
 Phó Tổng Giám đốc
 Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
 Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG,
GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ***cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025*

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
I.	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu năm	127.468.252.308	198.351.778.175
II.	Thay đổi NAV trong năm	34.761.728.495	30.705.386.413
	Trong đó:		
II.1	Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong năm	34.761.728.495	30.705.386.413
II.2	Thay đổi NAV do phân chia lợi nhuận/Tài sản của Quỹ mở cho nhà đầu tư trong năm	-	-
III.	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ (III=III.1-III.2)	104.693.365.601	(101.588.912.280)
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ	260.410.352.133	84.496.218.146
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ	155.716.986.532	186.085.130.426
IV.	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối năm (IV= I+II+III)	266.923.346.404	127.468.252.308



Nguyễn Thị Sao Mai
Người lập



Phạm Thị Thu Hương
Phụ trách kế toán



Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

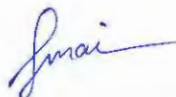
STT	Loại	Số lượng	Giá thị trường tại	Tổng giá trị	Tỷ lệ trên Tổng
			ngày 31/12/2025		giá trị tài sản
			VND	VND	hiện tại của Quỹ
					%
I	Cổ phiếu niêm yết và Upcom				
1	ACB	1.350.000	24.000	32.400.000.000	11,74%
2	CTG	338.318	35.750	12.094.868.500	4,38%
3	DPR	220.000	38.000	8.360.000.000	3,03%
4	DXG	30.000	17.100	513.000.000	0,19%
5	FPT	43.000	95.800	4.119.400.000	1,49%
6	HPG	385.000	26.400	10.164.000.000	3,68%
7	IJC	500.000	10.750	5.375.000.000	1,95%
8	PGC	346.712	13.450	4.663.276.400	1,68%
9	PLX	185.000	35.300	6.530.500.000	2,37%
10	PNJ	15.000	97.000	1.455.000.000	0,53%
11	POW	119.000	12.700	1.511.300.000	0,55%
12	PVT	700.000	18.400	12.880.000.000	4,67%
13	QNS	190.000	47.000	8.930.000.000	3,24%
14	QTP	850.000	12.500	10.625.000.000	3,85%
15	REE	28.784	61.000	1.755.824.000	0,64%
16	SGI	100.000	12.800	1.280.000.000	0,46%
17	TCB	825.000	34.900	28.792.500.000	10,43%
18	TCI	600.000	9.790	5.874.000.000	2,13%
19	TPB	100.000	17.100	1.710.000.000	0,62%
20	VEA	170.000	34.200	5.814.000.000	2,11%
21	VIB	750.000	17.750	13.312.500.000	4,82%
22	VNM	55.000	61.200	3.366.000.000	1,22%
23	VPB	50.000	28.650	1.432.500.000	0,52%
	Tổng	7.950.814		182.958.668.900	66,30%
II	Các loại chứng khoán khác				
I.	Quyền mua cổ phiếu POW	100.000	324	32.400.000	0,01%
	Tổng	100.000		32.400.000	0,01%
III	Các tài sản khác				
1	Tiền bán chứng khoán chờ thu			871.227.900	0,32%
2	Dự thu lãi tiền gửi			183.102.739	0,07%
	Tổng			1.054.330.639	0,39%

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ

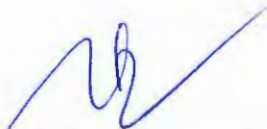
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

STT	Loại	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31/12/2025	Tổng giá trị	Tỷ lệ trên Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ
			VND	VND	%
III	Tiền và tương đương tiền				
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ			9.900.654.317	3,59%
2	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng			82.000.000.000	29,71%
	Tổng			91.900.654.317	33,30%
IV	Tổng giá trị danh mục			275.946.053.856	100%



Nguyễn Thị Sao Mai
Người lập



Phạm Thị Thu Hương
Phụ trách kế toán



Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(Theo phương pháp trực tiếp)

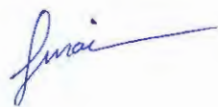
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Tiền đã chi mua các khoản đầu tư		(135.365.051.000)	(21.870.555.000)
02	2. Tiền đã thu từ bán các khoản đầu tư		101.794.665.000	123.024.599.034
03	3. Cổ tức đã nhận		5.399.450.750	4.313.426.000
04	4. Tiền lãi đã thu		1.139.889.297	860.629.041
06	5. Tiền chi trả phí cho hoạt động Quỹ mở		(4.191.033.068)	(3.190.444.383)
08	6. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các khoản đầu tư (phí môi giới)		(258.499.811)	(156.180.270)
09	7. Tiền thu khác từ hoạt động đầu tư		-	30.200.000
10	8. Tiền chi khác từ hoạt động đầu tư		-	(27.500.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(31.480.578.832)	102.984.174.422
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
21	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ mở		260.530.619.596	84.471.659.203
22	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ mở		(155.633.649.178)	(186.041.030.471)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		104.896.970.418	(101.569.371.268)
40	III. TĂNG/GIẢM TIỀN THUẦN TRONG NĂM		73.416.391.586	1.414.803.154
50	IV. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	9	18.484.262.731	17.069.459.577
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm		18.484.262.731	17.069.459.577
52	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		7.961.517.970	16.828.804.508
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		7.500.000.000	16.000.000.000
	Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		461.517.970	828.804.508
53	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán Chứng chỉ Quỹ		260.196.081	240.655.069
54	Tiền gửi phong tỏa		10.262.548.680	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

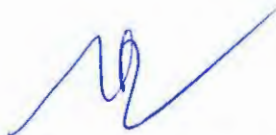
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
55	V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	9	91.900.654.317	18.484.262.731
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm		91.900.654.317	18.484.262.731
57	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		83.349.925.919	7.961.517.970
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		82.000.000.000	7.500.000.000
	Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		1.349.925.919	461.517.970
58	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán Chứng chỉ Quỹ		463.800.898	260.196.081
59	Tiền gửi phong tỏa		8.086.927.500	10.262.548.680
60	VI. CHÊNH LỆCH TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TRONG NĂM		73.416.391.586	1.414.803.154



Nguyễn Thị Sao Mai
Người lập biểu



Phạm Thị Thu Hương
Phụ trách kế toán



Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 . Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở và hoạt động theo Giấy chứng nhận chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 16/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 03 năm 2014 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 10/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 04 năm 2014. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 54.423.600.000 VND, tương đương với 5.442.360,00 Chứng chỉ Quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà đầu tư vào Quỹ là 99.148.632.300 VND, tương đương với 9.914.863,23 Chứng chỉ Quỹ.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là công ty con của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 21/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 71/GPĐC-UBCK cấp ngày 30 tháng 09 năm 2024.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 09 năm 2003 thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 06 năm 2020 và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01 tháng 08 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan. Ngân hàng giám sát được chỉ định theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ lưu ký - giám sát số 01/2021/HĐLKGS/BIDV.HTH-MBCapital ngày 15 tháng 07 năm 2021.

1.2 . Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu chính của Quỹ là đầu tư trung và dài hạn vào các doanh nghiệp nhằm đạt hiệu quả đầu tư tối ưu từ cổ tức và sự tăng giá gắn liền với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Mục tiêu của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

1.3 . Kỳ tính giá trị tài sản ròng

Ngày định giá

Ngày định giá là toàn bộ các ngày làm việc trong tuần và những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ vào ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ được quy định tại Điều lệ Quỹ và phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

1.4 . Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ vào các ngày làm việc trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6. Nếu ngày giao dịch trùng vào ngày nghỉ lễ thì ngày giao dịch đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc kế tiếp hoặc ngày khác theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ.

1.5 . Hạn chế đầu tư

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo:

- a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại ngân hàng giám sát, không được đầu tư quá bốn mươi chín (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản sau:
 - (i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - (ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.
- b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) của một tổ chức phát hành sau (trừ công cụ nợ của Chính phủ):
 - (i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - (ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.
- d) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định sau phát hành bởi các công ty trong cùng nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: Công ty mẹ, công ty con, các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó, phần đầu tư vào chứng khoán phải sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định pháp luật:
 - (i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - (ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - (iii) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, Chứng chỉ Quỹ đại chúng;
 - (iv) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
 - (v) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ.
- e) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản là cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ; Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định như sau (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ:
 - (i) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

- (ii) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, Chứng chỉ Quỹ đại chúng;
- (iii) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- (iv) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.
- g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- h) Không được đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ của Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital;
- k) Chỉ được đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý Quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - (i) Không đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành của một Quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - (ii) Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào Chứng chỉ Quỹ của một Quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - (iii) Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các Chứng chỉ Quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.
- l) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- m) Phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế quy định tại mục a, b, c, d, e, f, k nêu trên và chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

- Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư;
- Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ điều chỉnh;
- Quỹ đang trong thời gian giải thể.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI QUỸ

2.1 . Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 . Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.3 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Thông tư số 181/2015/TT-BTC ("Thông tư số 181") ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và Thông tư số 91/2019/TT-BTC ("Thông tư số 91") ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập;
2. Báo cáo tình hình tài chính;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Quỹ đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ khẳng định rằng báo cáo tài chính này tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Quỹ mở.

Hình thức kế toán áp dụng

Quỹ áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Các ước tính kế toán lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ và được đánh giá là hợp lý với các giả định hiện tại.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ chờ phân bổ và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

2.6 . Các khoản đầu tư

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua và không bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được khoản đầu tư. Các chi phí phát sinh này được hạch toán vào báo cáo thu nhập.

Đối với khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận, tách biệt khỏi giá gốc, trên khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên Báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục “Các khoản đầu tư” trên Báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc sau:

- Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo giá gốc;
- Cổ phiếu niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Định giá lại cho mục đích xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư Quỹ hiện đang nắm giữ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định tại Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và Điều lệ, Báo cáo bạch và Sổ tay định giá của Quỹ.

<i>STT</i>	<i>Loại tài sản</i>	<i>Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền tại ngày trước ngày định giá.
2.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.

Cổ phiếu		
3.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, thì được xác định theo thứ tự ưu tiên sau đây: - Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá 3 tháng tính đến ngày định giá; - Giá mua trung bình.
4.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	Được đánh giá theo giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, thì được xác định theo thứ tự ưu tiên sau đây: - Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá 3 tháng tính đến ngày định giá; - Giá mua trung bình.
Chứng khoán phái sinh		
5.	Quyền mua chứng khoán	Quyền mua chứng khoán phát sinh từ các chứng khoán đang được nắm giữ bởi Quỹ được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán và kết quả hoạt động chưa thực hiện trong kỳ lập báo cáo tài chính. Giá trị của quyền mua chứng khoán được xác định là phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý (theo các phương pháp nêu trên) của chứng khoán tại ngày của báo cáo tài chính và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt khi quyền được ghi nhận luồng tiền từ khoản đầu tư đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các khoản đầu tư.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

2.7 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi Ngân hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Quỹ dự kiến không có khả năng thu hồi theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ trên báo cáo thu nhập.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019. Cụ thể:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

2.8 . Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại Chứng chỉ Quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, ngân hàng giám sát và các khoản phải trả khác.

2.9 . Vốn chủ sở hữu

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các Nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua Chứng chỉ Quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau khi Quỹ thành lập.

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại Chứng chỉ Quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau khi Quỹ thành lập.

Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ và mệnh giá đối với các Chứng chỉ Quỹ được phát hành/ mua lại.

Thặng dư vốn bao gồm: Thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá. Thặng dư vốn góp không phát sinh ở lần đầu phát hành chứng chỉ quỹ.
- Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá chứng chỉ quỹ mua lại và mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu, sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch do đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào “Lợi nhuận chưa phân phối”.

Lợi nhuận phân phối cho Nhà Đầu tư

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/ tài sản phân phối cho Nhà Đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà Đầu tư, phù hợp với Điều lệ quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

2.10 . Giá trị tài sản ròng của Quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ

Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản của Quỹ (trong trường hợp không xác định được giá trị thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước ngày định giá.

Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc nêu tại Thuyết minh 2.6.

Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ

Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ bằng giá trị tài sản ròng trên Báo cáo tình hình tài chính của Quỹ chia cho tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính.

2.11 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế mà giá trị có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Tiền lãi được ghi nhận là doanh thu trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là cổ đông được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Quỹ mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu để đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ các Công ty chứng khoán và Ngân hàng giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

2.12 . Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu bao gồm:

Giá dịch vụ quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ

Từ ngày 16 tháng 04 năm 2024, giá dịch vụ quản lý được tính theo công thức như sau:

$$\text{Giá dịch vụ quản lý} = 1,8\% * \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá} * \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}.$$

Giá dịch vụ Ngân hàng giám sát

Giá dịch vụ Ngân hàng giám sát là 0,02%/ năm trên Tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 5.000.000 VND (Năm triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ Ngân hàng giám sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng giám sát. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Giá dịch vụ Ngân hàng giám sát = $0,02\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$.

Giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký là 0,05%/ năm trên Tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 15.000.000 VND (Mười lăm triệu đồng) một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Giá dịch vụ lưu ký = $0,05\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$.

Mức giá trên không bao gồm các phí/ giá dịch vụ thông thường khác như giá dịch vụ Ngân hàng lưu ký phải trả cho bên thứ ba như Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, giá dịch vụ giao dịch chứng khoán, phí/giá sửa lệnh..., cụ thể:

Giá dịch vụ lưu ký xử lý giao dịch: 150.000 VND/1 giao dịch/1 mã chứng khoán/1 ngày.

Giá dịch vụ quản trị Quỹ

Giá dịch vụ quản trị Quỹ là 0,03%/ năm trên Tổng giá trị Tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 15.000.000 VND (Mười lăm triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản trị Quỹ = $0,03\% \times \text{Giá trị Tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}$.

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm giá dịch vụ cố định hàng tháng là 12.000.000 VND/tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng; giá dịch vụ giao dịch đối với giao dịch từ số 401 trở đi trong ngày giao dịch bằng 0,01% giá trị giao dịch/giao dịch được thanh toán hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ. Chi phí thiết lập, duy trì thông tin, giá dịch vụ kết nối, giá dịch vụ cung cấp thông tin giao dịch, thông tin Nhà đầu tư, giá dịch vụ thực hiện quyền được miễn. Mức giá dịch vụ trên chưa bao gồm các số tiền khác như giá dịch vụ gửi thư cho Nhà đầu tư, giá dịch vụ cung cấp thông tin đặc thù theo yêu cầu hoặc các công việc khác.

Trong mọi trường hợp, tổng giá dịch vụ quản lý Quỹ bao gồm giá dịch vụ quản lý Quỹ, giá dịch vụ quản trị Quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải đảm bảo tuân thủ mức tối đa 2%/ năm tính trên tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định của pháp luật.

Chi phí kiểm toán

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định khi ký kết hợp đồng kiểm toán.

2.13 . Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở được trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

2.14 . Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở không được thể hiện trong Báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

2.15 . Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho Nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân sửa đổi với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế; Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014; Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014; Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính; Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các Nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho Nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức chi trả.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại Chứng chỉ Quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại Chứng chỉ Quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 và Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL**

Báo cáo tài chính

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

2.16 . Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

3 . CỐ TỨC, TRÁI TỨC ĐƯỢC CHIA

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Cổ tức	4.529.450.750	4.385.926.000
Lãi trái phiếu	-	112.146.859
	4.529.450.750	4.498.072.859

4 . TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.314.978.337	493.673.557
	1.314.978.337	493.673.557

5 . LÃI, LỖ BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025			
	Tổng giá trị bán trong kỳ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/lỗ bán chứng khoán trong kỳ
	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết và Upcom	97.666.765.000	74.359.611.973	23.307.153.027
	97.666.765.000	74.359.611.973	23.307.153.027
Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024			
	Tổng giá trị bán trong kỳ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/lỗ bán chứng khoán trong kỳ
	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết và Upcom	116.449.815.000	111.223.657.998	5.226.157.002
Trái phiếu niêm yết	6.561.700.229	6.497.400.000	64.300.229
	123.011.515.229	117.721.057.998	5.290.457.231

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Báo cáo tài chính

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6 . CHÊNH LỆCH TĂNG, GIÁM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025

	Giá trị mua theo sổ kế toán tại ngày 31/12/2025 (VND)	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2025 (VND)	Chênh lệch đánh giá lại ngày 31/12/2025 (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch đánh giá lại ngày 31/12/2024 (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này (kỳ NAV) (VND)
Cổ phiếu niêm yết và Upcom	170.419.414.086	182.958.668.900	12.539.254.814	2.283.417.741	10.255.837.073
Quyền mua cổ phiếu	-	32.400.000	32.400.000	-	32.400.000
	<u>170.419.414.086</u>	<u>182.991.068.900</u>	<u>12.571.654.814</u>	<u>2.283.417.741</u>	<u>10.288.237.073</u>

Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024

	Giá trị mua theo sổ kế toán tại ngày 31/12/2024 (VND)	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2024 (VND)	Chênh lệch đánh giá lại ngày 31/12/2024 (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch đánh giá lại ngày 31/12/2023 (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này (kỳ NAV) (VND)
Cổ phiếu niêm yết và Upcom	111.585.375.059	113.868.792.800	2.283.417.741	(21.420.500.957)	23.703.918.698
	<u>111.585.375.059</u>	<u>113.868.792.800</u>	<u>2.283.417.741</u>	<u>(21.420.500.957)</u>	<u>23.703.918.698</u>

7 . CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Phí giao dịch cổ phiếu	255.150.731	167.163.993
Phí giao dịch trái phiếu	-	1.314.957
	<u>255.150.731</u>	<u>168.478.950</u>

8 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Phí ngân hàng	7.237.160	5.142.297
Phí quản lý thường niên	7.500.000	7.500.000
Chi thù lao Ban Đại diện Quỹ	168.000.000	168.000.000
	<u>182.737.160</u>	<u>180.642.297</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL****Báo cáo tài chính****Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội** cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**9 . TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở	1.349.925.919	461.517.970
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ	328.339.836	208.072.373
Tài khoản thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư	135.461.062	52.123.708
Tiền phong tỏa - Mua chứng khoán	8.086.927.500	10.262.548.680
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	82.000.000.000	7.500.000.000
	<u>91.900.654.317</u>	<u>18.484.262.731</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tiền gửi có kỳ hạn nằm trong khoản mục tiền gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần bao gồm các khoản tiền gửi có thời hạn 01 tháng với lãi suất 4,75%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

	Chênh lệch đánh giá lại				Giá trị đánh giá lại
	Giá trị trường hoặc giá trị hợp lý cuối năm	Chênh lệch đánh giá tăng	Chênh lệch đánh giá giảm		
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025					
Cổ phiếu niêm yết và Upcom	170.419.414.086	21.013.937.833	(8.474.683.019)		182.958.668.900
Quyền mua cổ phiếu	-	32.400.000	-		32.400.000
	<u>170.419.414.086</u>	<u>21.046.337.833</u>	<u>(8.474.683.019)</u>		<u>182.991.068.900</u>

Tại các kỳ xác định giá trị tài sản ròng từ ngày 24/03/2025 đến ngày 20/04/2025 và từ ngày 23/04/2025 đến ngày 26/05/2025 từ ngày 20/07/2025 đến ngày 29/07/2025 tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ, chưa đáp ứng quy định tại điểm e khoản 4 điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã được điều chỉnh để đáp ứng hạn mức đầu tư nêu trên trong thời hạn quy định theo Khoản 6 Điều 35, Khoản 6 Điều 24 Thông tư 98/2020/TT-BTC.

	Chênh lệch đánh giá lại				Giá trị đánh giá lại
	Giá trị trường hoặc giá trị hợp lý cuối năm	Chênh lệch đánh giá tăng	Chênh lệch đánh giá giảm		
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024					
Cổ phiếu niêm yết và Upcom	111.585.375.059	12.613.225.075	(10.329.807.334)		113.868.792.800
Tiền gửi có kỳ hạn lớn hơn 03 tháng	5.000.000.000	-	-		5.000.000.000
	<u>116.585.375.059</u>	<u>12.613.225.075</u>	<u>(10.329.807.334)</u>		<u>118.868.792.800</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

11 . CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Phải thu tiền bán cổ phiếu	871.227.900	-
Dự thu cổ tức	-	870.000.000
Dự thu lãi tiền gửi	183.102.739	8.013.699
	<u>1.054.330.639</u>	<u>878.013.699</u>

12 . PHẢI TRẢ TIỀN MUA CHỨNG KHOÁN

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Phải trả về mua cổ phiếu	8.085.577.500	10.261.198.680
	<u>8.085.577.500</u>	<u>10.261.198.680</u>

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Chi phí kiểm toán	27.500.000	27.500.000
	<u>27.500.000</u>	<u>27.500.000</u>

14 . PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	328.339.836	208.072.373
	<u>328.339.836</u>	<u>208.072.373</u>

Phải trả cho Nhà đầu tư Quỹ về mua Chứng chỉ Quỹ thể hiện số tiền nhận được từ Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ hợp lệ và chờ phát hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

15 . PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ

	31/12/2025	31/12/2024
	VND	VND
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	135.461.062	52.123.708
	135.461.062	52.123.708

Phải trả cho Nhà đầu tư Quỹ về mua lại Chứng chỉ Quỹ thể hiện số tiền phải trả cho Nhà đầu tư bán Chứng chỉ Quỹ có thông tin số tài khoản nhận tiền không hợp lệ.

16 . PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	31/12/2025	31/12/2024
	VND	VND
Phải trả phí dịch vụ quản lý quỹ	405.526.899	174.313.193
Phải trả phí dịch vụ lưu ký	18.302.155	17.608.968
Phải trả phí dịch vụ giám sát	5.500.000	5.500.000
Phải trả phí dịch vụ quản trị quỹ	16.500.000	16.500.000
	445.829.054	213.922.161

17 . TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2023	Phát sinh trong kỳ	31/12/2024
	VND	VND	VND
Từ 31/12/2023 đến 31/12/2024			
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	124.351.544,80	3.982.058,94	128.333.603,74
Giá trị tài sản ròng/CCQ phát hành bình quân	14.077	21.219	14.298
Giá trị ghi theo mệnh giá	1.243.515.448.000	39.820.589.400	1.283.336.037.400
Thặng dư vốn	506.941.529.956	44.675.628.746	551.617.158.702
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	1.750.456.977.956	84.496.218.146	1.834.953.196.102
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	113.561.641,67	9.050.370,64	122.612.012,31
Giá trị tài sản ròng/CCQ mua lại bình quân	14.329	20.561	14.789
Giá trị ghi theo mệnh giá	1.135.616.416.700	90.503.706.400	1.226.120.123.100
Thặng dư vốn	491.586.860.773	95.581.424.026	587.168.284.799
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	1.627.203.277.473	186.085.130.426	1.813.288.407.899
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	10.789.903,13	(5.068.311,70)	5.721.591,43
Giá trị vốn góp hiện hành	123.253.700.483	(101.588.912.280)	21.664.788.203
Lợi nhuận chưa phân phối	75.098.077.692	30.705.386.413	105.803.464.105
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	198.351.778.175		127.468.252.308
Giá trị tài sản ròng trên 1 CCQ	18.383		22.278

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

	<u>31/12/2024</u>	<u>Phát sinh</u>	<u>31/12/2025</u>
	VND	trong kỳ	VND
Từ 31/12/2024 đến 31/12/2025			
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	128.333.603,74	10.248.065,78	138.581.669,52
Giá trị tài sản ròng/CCQ phát hành bình quân	14.298	25.411	15.120
Giá trị ghi theo mệnh giá	1.283.336.037.400	102.480.657.800	1.385.816.695.200
Thặng dư vốn	551.617.158.702	157.929.694.333	709.546.853.035
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	1.834.953.196.102	260.410.352.133	2.095.363.548.235
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	122.612.012,31	6.054.793,98	128.666.806,29
Giá trị tài sản ròng/CCQ mua lại bình quân	14.789	25.718	15.303
Giá trị ghi theo mệnh giá	1.226.120.123.100	60.547.939.800	1.286.668.062.900
Thặng dư vốn	587.168.284.799	95.169.046.732	682.337.331.531
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	1.813.288.407.899	155.716.986.532	1.969.005.394.431
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	5.721.591,43	4.193.271,80	9.914.863,23
Giá trị vốn góp hiện hành	21.664.788.203	104.693.365.601	126.358.153.804
Lợi nhuận chưa phân phối	105.803.464.105	34.761.728.495	140.565.192.600
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	127.468.252.308		266.923.346.404
Giá trị tài sản ròng trên 1 CCQ	22.278		26.922

18 . LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện	127.993.537.786	103.520.046.364
Lợi nhuận chưa thực hiện	12.571.654.814	2.283.417.741
	140.565.192.600	105.803.464.105

19 . MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUỸ MỞ

Chỉ tiêu	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
Tỷ lệ chi phí hoạt động (%)	2,37%	2,40%
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	52,59%	53,01%

Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí là: Tỷ lệ đánh giá chi phí Quỹ mở tính cho 1 đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động (%) = Tổng chi phí hoạt động*100 (%) / Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm.

Những chi phí không bao gồm tính trong chi phí hoạt động của Chỉ tiêu Tỷ lệ chi phí hoạt động, gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái của Quỹ mở (Bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các Nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp (Thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả Thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán Chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán Chứng chỉ quỹ.
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho Nhà đầu tư.

Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ mở trong 1 năm.

Tốc độ vòng quay danh mục (%) = (Tổng giá trị mua trong năm + Tổng giá trị bán trong năm)/2 *100 (%) / Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm.

20 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết, các khoản phải thu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho Nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Đại diện Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Để hạn chế những rủi ro về lãi suất có thể làm ảnh hưởng tới giá trị đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên phân tích, đánh giá các điều kiện kinh tế vĩ mô, xu hướng vận động của thị trường và kỳ vọng lãi suất trong từng giai đoạn để có các quyết định phân bổ tài sản phù hợp. Đối với phần tài sản phân bổ vào trái phiếu, Quỹ sẽ giữ kỳ hạn của các trái phiếu một cách phù hợp tương ứng với các kỳ vọng về lãi suất.

Độ nhạy đối với lãi suất

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do Quỹ có rủi ro lãi suất rất nhỏ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Rủi ro tiền tệ

Quỹ không có rủi ro tiền tệ do trong kỳ, Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu và trái phiếu niêm yết

Các trái phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá trái phiếu niêm yết bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Đại diện của Quỹ xem xét và phê duyệt tất cả các quyết định đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu niêm yết.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và các chứng khoán khác của Quỹ là 182.991.068.900 VND. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm 18.299.106.890 VND, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng lên 18.299.106.890 VND tương ứng.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh toán, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL****Báo cáo tài chính**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

21 . XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
1	01/01/2024	198.351.778.175	10.789.903,13	18.383	
2	02/01/2024	198.344.783.200	10.789.903,13	18.382	(1)
3	03/01/2024	199.151.374.093	10.784.461,10	18.467	85
4	04/01/2024	200.877.705.858	10.782.505,07	18.630	163
5	05/01/2024	202.043.434.755	10.781.606,78	18.740	110
6	08/01/2024	202.061.471.288	10.758.310,48	18.782	42
7	09/01/2024	199.730.482.233	10.589.777,38	18.861	79
8	10/01/2024	197.304.216.533	10.456.534,27	18.869	8
9	11/01/2024	197.967.645.541	10.456.706,19	18.932	63
10	12/01/2024	190.760.901.623	10.073.196,83	18.937	5
11	15/01/2024	190.279.175.130	10.044.823,48	18.943	6
12	16/01/2024	189.599.724.835	10.048.175,21	18.869	(74)
13	17/01/2024	190.931.442.523	10.053.441,22	18.992	123
14	18/01/2024	186.089.697.869	9.806.797,38	18.976	(16)
15	19/01/2024	186.890.701.229	9.800.012,37	19.070	94
16	22/01/2024	188.382.889.455	9.800.358,70	19.222	152
17	23/01/2024	188.904.063.138	9.798.554,42	19.279	57
18	24/01/2024	187.940.594.691	9.758.317,44	19.260	(19)
19	25/01/2024	186.642.308.768	9.719.611,20	19.203	(57)
20	26/01/2024	186.131.741.647	9.723.890,84	19.142	(61)
21	29/01/2024	187.300.737.511	9.715.948,57	19.278	136
22	30/01/2024	186.875.680.686	9.712.917,28	19.240	(38)
23	31/01/2024	187.916.024.588	9.744.599,85	19.284	44
24	01/02/2024	185.678.777.530	9.729.751,36	19.084	(200)
25	02/02/2024	185.174.949.705	9.678.444,71	19.133	49
26	05/02/2024	184.601.205.387	9.660.343,20	19.109	(24)
27	06/02/2024	188.271.290.021	9.661.838,95	19.486	377
28	07/02/2024	188.309.467.227	9.622.799,11	19.569	83
29	08/02/2024	190.529.350.555	9.627.327,32	19.790	221
30	15/02/2024	190.470.927.904	9.627.327,32	19.784	(6)
31	16/02/2024	191.185.229.703	9.639.137,08	19.834	50
32	19/02/2024	191.150.623.512	9.600.984,76	19.909	75
33	20/02/2024	193.096.912.790	9.604.090,71	20.106	197
34	21/02/2024	193.202.224.393	9.616.464,68	20.091	(15)
35	22/02/2024	193.547.557.784	9.619.727,95	20.120	29
36	23/02/2024	194.234.637.362	9.626.475,08	20.177	57
37	26/02/2024	192.111.400.306	9.635.579,86	19.938	(239)
38	27/02/2024	193.454.199.039	9.632.978,01	20.082	144
39	28/02/2024	195.641.978.313	9.639.419,62	20.296	214
40	29/02/2024	197.267.858.520	9.648.804,62	20.445	149
41	01/03/2024	182.785.703.943	8.969.420,49	20.379	(66)
42	04/03/2024	182.781.010.288	8.953.104,06	20.415	36

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Báo cáo tài chính

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng		NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	CCQ	VND	VND
43	05/03/2024	183.220.870.841	8.961.412,22	20.446	31
44	06/03/2024	185.076.316.442	8.992.048,26	20.582	136
45	07/03/2024	183.925.755.416	9.001.605,24	20.433	(149)
46	08/03/2024	154.151.865.924	7.545.327,20	20.430	(3)
47	11/03/2024	151.979.398.562	7.560.292,43	20.102	(328)
48	12/03/2024	151.110.612.569	7.573.279,71	19.953	(149)
49	13/03/2024	151.722.330.173	7.590.431,41	19.989	36
50	14/03/2024	133.361.162.157	6.532.012,93	20.417	428
51	15/03/2024	133.093.741.253	6.540.639,70	20.349	(68)
52	18/03/2024	133.625.459.725	6.547.037,29	20.410	61
53	19/03/2024	131.907.407.642	6.556.711,56	20.118	(292)
54	20/03/2024	130.742.798.566	6.508.622,29	20.088	(30)
55	21/03/2024	132.931.855.985	6.504.495,13	20.437	349
56	22/03/2024	135.575.948.346	6.513.077,51	20.816	379
57	25/03/2024	136.029.196.438	6.516.198,18	20.876	60
58	26/03/2024	134.129.464.020	6.496.505,62	20.646	(230)
59	27/03/2024	131.265.771.985	6.278.199,32	20.908	262
60	28/03/2024	131.986.232.454	6.310.889,23	20.914	6
61	29/03/2024	133.478.241.201	6.299.010,20	21.190	276
62	01/04/2024	134.224.776.404	6.331.689,05	21.199	9
63	02/04/2024	134.235.081.501	6.345.497,24	21.154	(45)
64	03/04/2024	134.467.451.801	6.375.448,12	21.091	(63)
65	04/04/2024	121.876.412.807	5.837.217,80	20.879	(212)
66	05/04/2024	120.313.764.965	5.823.648,20	20.660	(219)
67	08/04/2024	119.545.350.196	5.841.449,62	20.465	(195)
68	09/04/2024	119.381.502.957	5.852.286,71	20.399	(66)
69	10/04/2024	119.795.977.701	5.844.131,22	20.499	100
70	11/04/2024	120.090.549.963	5.854.970,53	20.511	12
71	12/04/2024	119.822.087.157	5.856.969,95	20.458	(53)
72	15/04/2024	122.438.029.250	5.865.689,86	20.874	416
73	16/04/2024	117.622.359.010	5.860.515,78	20.070	(804)
74	17/04/2024	117.760.478.423	5.861.899,84	20.089	19
75	18/04/2024	116.635.899.577	5.864.783,79	19.888	(201)
76	19/04/2024	116.627.830.816	5.864.783,79	19.886	(2)
77	22/04/2024	115.236.876.408	5.875.324,29	19.614	(272)
78	23/04/2024	116.367.658.658	5.851.571,44	19.887	273
79	24/04/2024	115.724.546.803	5.858.737,68	19.752	(135)
80	25/04/2024	117.416.097.781	5.850.339,21	20.070	318
81	26/04/2024	114.891.758.570	5.763.209,52	19.935	(135)
82	01/05/2024	116.230.501.480	5.814.085,70	19.991	56
83	02/05/2024	116.222.521.688	5.814.085,70	19.990	(1)
84	03/05/2024	117.757.932.578	5.820.277,72	20.232	242
85	06/05/2024	119.155.431.571	5.845.384,01	20.385	153
86	07/05/2024	120.343.095.259	5.850.826,27	20.569	184
87	08/05/2024	120.049.401.065	5.833.311,51	20.580	11



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Báo cáo tài chính

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	CCQ	VND	VND
88	09/05/2024	120.560.488.525	5.839.501,95	20.646	66
89	10/05/2024	120.562.138.029	5.842.335,69	20.636	(10)
90	13/05/2024	120.798.336.981	5.850.316,57	20.648	12
91	14/05/2024	120.597.994.509	5.853.339,36	20.603	(45)
92	15/05/2024	119.365.985.028	5.806.139,43	20.559	(44)
93	16/05/2024	120.091.399.856	5.825.768,60	20.614	55
94	17/05/2024	122.064.247.802	5.828.785,25	20.942	328
95	20/05/2024	122.327.844.894	5.837.372,84	20.956	14
96	21/05/2024	122.787.500.195	5.837.533,58	21.034	78
97	22/05/2024	122.767.452.876	5.840.949,42	21.018	(16)
98	23/05/2024	121.771.624.759	5.829.114,41	20.890	(128)
99	24/05/2024	124.375.283.212	5.836.537,06	21.310	420
100	27/05/2024	124.418.088.557	5.837.131,89	21.315	5
101	28/05/2024	125.730.360.072	5.840.274,47	21.528	213
102	29/05/2024	125.309.613.273	5.788.667,65	21.647	119
103	30/05/2024	124.307.139.576	5.789.578,53	21.471	(176)
104	31/05/2024	124.151.551.531	5.771.600,48	21.511	40
105	01/06/2024	124.445.079.175	5.765.401,57	21.585	74
106	03/06/2024	124.428.173.646	5.765.401,57	21.582	(3)
107	04/06/2024	126.048.499.836	5.766.084,30	21.860	278
108	05/06/2024	126.792.713.688	5.789.758,72	21.899	39
109	06/06/2024	126.900.890.177	5.803.757,81	21.865	(34)
110	07/06/2024	128.243.615.050	5.853.081,37	21.910	45
111	10/06/2024	128.991.812.816	5.876.095,86	21.952	42
112	11/06/2024	128.616.387.194	5.878.684,87	21.878	(74)
113	12/06/2024	129.478.043.477	5.925.182,52	21.852	(26)
114	13/06/2024	130.855.986.965	5.952.704,48	21.983	131
115	14/06/2024	131.336.797.723	5.960.604,80	22.034	51
116	17/06/2024	130.251.488.709	5.973.875,21	21.804	(230)
117	18/06/2024	130.651.660.462	6.000.531,77	21.773	(31)
118	19/06/2024	131.774.715.094	6.032.307,61	21.845	72
119	20/06/2024	131.688.614.774	6.039.585,05	21.804	(41)
120	21/06/2024	132.417.341.103	6.043.544,97	21.911	107
121	24/06/2024	132.928.262.194	6.073.380,54	21.887	(24)
122	25/06/2024	131.645.686.892	6.094.851,05	21.599	(288)
123	26/06/2024	131.647.386.459	6.098.189,06	21.588	(11)
124	27/06/2024	132.263.124.335	6.115.526,96	21.627	39
125	28/06/2024	131.462.597.412	6.119.780,43	21.482	(145)
126	01/07/2024	130.925.901.752	6.130.032,52	21.358	(124)
127	02/07/2024	131.004.790.483	6.138.795,22	21.340	(18)
128	03/07/2024	131.668.833.530	6.150.617,75	21.407	67
129	04/07/2024	132.528.969.550	6.156.126,52	21.528	121
130	05/07/2024	132.375.342.590	6.152.753,22	21.515	(13)
131	08/07/2024	132.901.308.611	6.167.319,97	21.549	34
132	09/07/2024	132.566.406.022	6.147.904,05	21.563	14

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Báo cáo tài chính

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	CCQ	VND	VND
133	10/07/2024	134.341.194.956	6.182.744,80	21.728	165
134	11/07/2024	134.103.436.000	6.188.269,66	21.671	(57)
135	12/07/2024	133.829.630.721	6.201.367,54	21.581	(90)
136	15/07/2024	133.571.990.115	6.202.844,71	21.534	(47)
137	16/07/2024	133.591.838.573	6.204.076,22	21.533	(1)
138	17/07/2024	133.936.964.982	6.209.497,31	21.570	37
139	18/07/2024	133.962.745.332	6.221.700,29	21.532	(38)
140	19/07/2024	134.596.881.319	6.222.242,29	21.632	100
141	22/07/2024	133.862.083.312	6.197.637,08	21.599	(33)
142	23/07/2024	133.068.229.948	6.194.169,90	21.483	(116)
143	24/07/2024	131.492.273.951	6.194.960,31	21.226	(257)
144	25/07/2024	131.656.008.868	6.187.794,66	21.277	51
145	26/07/2024	131.132.692.099	6.184.215,38	21.204	(73)
146	29/07/2024	131.845.490.912	6.201.336,96	21.261	57
147	30/07/2024	132.024.163.779	6.214.690,68	21.244	(17)
148	31/07/2024	132.258.088.577	6.234.965,79	21.212	(32)
149	01/08/2024	133.553.372.115	6.264.762,08	21.318	106
150	02/08/2024	131.344.726.871	6.240.162,42	21.048	(270)
151	05/08/2024	132.007.651.554	6.242.472,53	21.147	99
152	06/08/2024	128.454.132.280	6.248.539,78	20.557	(590)
153	07/08/2024	129.518.408.107	6.250.594,10	20.721	164
154	08/08/2024	129.238.323.530	6.230.749,40	20.742	21
155	09/08/2024	128.727.232.287	6.246.316,46	20.609	(133)
156	12/08/2024	129.925.533.107	6.257.334,02	20.764	155
157	13/08/2024	130.461.627.182	6.258.275,40	20.846	82
158	14/08/2024	130.007.344.359	6.265.002,29	20.751	(95)
159	15/08/2024	129.245.019.571	6.217.966,92	20.786	35
160	16/08/2024	129.033.514.371	6.220.347,32	20.744	(42)
161	19/08/2024	130.621.227.032	6.221.939,57	20.994	250
162	20/08/2024	131.872.481.457	6.221.558,40	21.196	202
163	21/08/2024	128.027.175.237	6.019.773,37	21.268	72
164	22/08/2024	129.048.036.354	6.024.362,49	21.421	153
165	23/08/2024	129.321.445.280	6.022.659,66	21.472	51
166	26/08/2024	129.392.119.546	6.021.257,51	21.489	17
167	27/08/2024	129.189.087.263	6.024.931,73	21.442	(47)
168	28/08/2024	129.383.185.145	6.023.520,46	21.480	38
169	29/08/2024	129.245.181.664	6.018.889,05	21.473	(7)
170	30/08/2024	129.716.373.385	6.025.181,26	21.529	56
171	01/09/2024	130.022.894.004	6.021.624,73	21.593	64
172	04/09/2024	130.005.840.957	6.021.624,73	21.590	(3)
173	05/09/2024	130.071.301.462	6.046.098,37	21.513	(77)
174	06/09/2024	129.802.272.965	6.044.638,93	21.474	(39)
175	09/09/2024	130.216.814.388	6.047.457,83	21.532	58
176	10/09/2024	119.849.999.116	5.588.735,96	21.445	(87)
177	11/09/2024	118.939.655.717	5.593.376,48	21.264	(181)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Báo cáo tài chính

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	CCQ	VND	VND
178	12/09/2024	119.075.577.944	5.600.357,54	21.262	(2)
179	13/09/2024	119.787.564.360	5.603.320,68	21.378	116
180	16/09/2024	119.671.547.734	5.600.617,50	21.368	(10)
181	17/09/2024	118.885.463.609	5.604.938,89	21.211	(157)
182	18/09/2024	120.448.625.905	5.605.551,60	21.487	276
183	19/09/2024	121.004.935.711	5.611.065,54	21.565	78
184	20/09/2024	121.084.977.228	5.595.239,18	21.641	76
185	23/09/2024	122.317.347.755	5.595.729,14	21.859	218
186	24/09/2024	122.105.497.117	5.597.716,45	21.813	(46)
187	25/09/2024	115.333.289.148	5.254.216,11	21.951	138
188	26/09/2024	116.637.869.771	5.280.910,35	22.087	136
189	27/09/2024	116.774.385.799	5.281.458,22	22.110	23
190	30/09/2024	116.965.180.223	5.298.665,91	22.074	(36)
191	01/10/2024	117.256.119.636	5.315.953,65	22.057	(17)
192	02/10/2024	117.971.460.063	5.327.786,69	22.143	86
193	03/10/2024	117.706.522.796	5.324.530,71	22.106	(37)
194	04/10/2024	116.896.381.010	5.330.130,42	21.931	(175)
195	07/10/2024	116.238.586.365	5.340.376,76	21.766	(165)
196	08/10/2024	115.197.416.327	5.276.290,85	21.833	67
197	09/10/2024	115.686.865.926	5.288.904,83	21.874	41
198	10/10/2024	116.907.549.906	5.297.093,94	22.070	196
199	11/10/2024	116.849.439.028	5.306.617,90	22.020	(50)
200	14/10/2024	117.156.471.662	5.308.658,88	22.069	49
201	15/10/2024	117.554.619.023	5.328.848,30	22.060	(9)
202	16/10/2024	117.298.302.847	5.334.031,24	21.991	(69)
203	17/10/2024	116.852.275.342	5.322.622,65	21.954	(37)
204	18/10/2024	121.545.534.486	5.505.887,79	22.076	122
205	21/10/2024	120.486.026.022	5.451.403,11	22.102	26
206	22/10/2024	120.089.546.818	5.442.437,61	22.065	(37)
207	23/10/2024	119.374.720.623	5.445.011,23	21.924	(141)
208	24/10/2024	117.093.822.390	5.337.437,55	21.938	14
209	25/10/2024	115.541.225.332	5.339.644,03	21.638	(300)
210	28/10/2024	115.289.950.861	5.335.221,08	21.609	(29)
211	29/10/2024	115.821.082.790	5.341.420,71	21.684	75
212	30/10/2024	116.195.769.746	5.347.420,83	21.729	45
213	31/10/2024	116.435.603.825	5.348.164,60	21.771	42
214	01/11/2024	116.826.548.260	5.348.260,99	21.844	73
215	04/11/2024	115.872.290.208	5.351.360,01	21.653	(191)
216	05/11/2024	115.520.568.591	5.359.953,37	21.553	(100)
217	06/11/2024	115.930.145.161	5.373.657,66	21.574	21
218	07/11/2024	117.292.057.280	5.384.453,18	21.783	209
219	08/11/2024	117.482.260.376	5.401.930,72	21.748	(35)
220	11/11/2024	115.579.155.309	5.343.714,98	21.629	(119)
221	12/11/2024	115.259.722.748	5.349.009,77	21.548	(81)
222	13/11/2024	115.498.185.757	5.366.015,30	21.524	(24)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Báo cáo tài chính

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	CCQ	VND	VND
223	14/11/2024	115.507.050.319	5.365.584,11	21.527	3
224	15/11/2024	114.588.659.809	5.367.908,96	21.347	(180)
225	18/11/2024	113.843.101.908	5.376.997,02	21.172	(175)
226	19/11/2024	114.066.166.232	5.374.652,14	21.223	51
227	20/11/2024	113.702.760.385	5.381.139,10	21.130	(93)
228	21/11/2024	114.684.393.954	5.389.022,95	21.281	151
229	22/11/2024	115.951.252.978	5.391.122,95	21.508	227
230	25/11/2024	115.581.650.476	5.390.124,55	21.443	(65)
231	26/11/2024	116.409.116.553	5.396.294,56	21.572	129
232	27/11/2024	116.830.564.941	5.405.020,80	21.615	43
233	28/11/2024	116.875.744.825	5.413.225,00	21.591	(24)
234	29/11/2024	117.504.637.636	5.428.243,13	21.647	56
235	01/12/2024	117.602.544.665	5.423.493,46	21.684	37
236	02/12/2024	117.596.047.298	5.423.493,46	21.683	(1)
237	03/12/2024	118.049.505.632	5.442.446,07	21.691	8
238	04/12/2024	117.847.133.166	5.444.925,87	21.643	(48)
239	05/12/2024	117.968.695.946	5.473.479,51	21.553	(90)
240	06/12/2024	120.402.271.642	5.477.801,67	21.980	427
241	09/12/2024	120.529.466.471	5.492.860,18	21.943	(37)
242	10/12/2024	120.525.538.574	5.473.949,87	22.018	75
243	11/12/2024	120.280.109.962	5.474.303,71	21.972	(46)
244	12/12/2024	120.420.383.164	5.494.173,38	21.918	(54)
245	13/12/2024	120.407.017.241	5.495.443,87	21.910	(8)
246	16/12/2024	120.018.348.322	5.485.930,18	21.877	(33)
247	17/12/2024	124.058.775.081	5.669.970,88	21.880	3
248	18/12/2024	123.955.504.301	5.671.785,36	21.855	(25)
249	19/12/2024	124.047.887.261	5.663.307,55	21.904	49
250	20/12/2024	123.098.947.307	5.665.561,18	21.728	(176)
251	23/12/2024	123.417.726.627	5.666.876,32	21.779	51
252	24/12/2024	122.972.349.599	5.626.490,49	21.856	77
253	25/12/2024	123.164.518.072	5.632.638,99	21.866	10
254	26/12/2024	124.941.174.636	5.632.248,36	22.183	317
255	27/12/2024	128.708.345.152	5.781.515,67	22.262	79
256	30/12/2024	129.080.686.768	5.785.813,39	22.310	48
257	31/12/2024	128.561.216.191	5.781.963,25	22.235	(75)
258	01/01/2025	127.468.252.308	5.721.591,43	22.278	43

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (VND)

136.619.303.338

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm

- Mức thấp nhất trong năm (VND)

1

- Mức cao nhất trong năm (VND)

804

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Báo cáo tài chính

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Giá trị tài sản ròng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
1	01/01/2025	127.468.252.308	5.721.591,43	22.278	
2	02/01/2025	127.461.374.657	5.721.591,43	22.277	(1)
3	03/01/2025	126.433.080.144	5.692.654,86	22.210	(67)
4	06/01/2025	125.158.609.119	5.716.438,93	21.895	(315)
5	07/01/2025	124.876.047.336	5.726.835,78	21.805	(90)
6	08/01/2025	125.155.671.124	5.733.074,90	21.830	25
7	09/01/2025	125.688.965.466	5.727.949,10	21.943	113
8	10/01/2025	125.363.166.493	5.731.619,61	21.872	(71)
9	13/01/2025	124.228.171.171	5.733.865,00	21.666	(206)
10	14/01/2025	124.800.118.212	5.734.783,38	21.762	96
11	15/01/2025	124.493.526.299	5.740.212,88	21.688	(74)
12	16/01/2025	125.334.757.460	5.756.449,40	21.773	85
13	17/01/2025	125.819.269.553	5.757.722,97	21.852	79
14	20/01/2025	126.835.674.694	5.763.597,15	22.006	154
15	21/01/2025	127.069.457.879	5.771.048,27	22.018	12
16	22/01/2025	126.623.716.518	5.768.877,72	21.949	(69)
17	23/01/2025	126.304.115.562	5.759.636,16	21.929	(20)
18	24/01/2025	128.076.682.359	5.765.693,73	22.214	285
19	30/01/2025	128.751.887.905	5.792.994,15	22.225	11
20	01/02/2025	128.748.668.805	5.792.994,15	22.225	-
21	03/02/2025	128.732.617.538	5.792.994,15	22.222	(3)
22	04/02/2025	128.008.990.729	5.799.986,06	22.071	(151)
23	05/02/2025	129.990.130.299	5.840.314,37	22.257	186
24	06/02/2025	130.563.714.705	5.845.044,52	22.338	81
25	07/02/2025	130.198.501.179	5.789.191,69	22.490	152
26	10/02/2025	131.001.639.156	5.798.295,75	22.593	103
27	11/02/2025	130.970.488.278	5.805.574,34	22.559	(34)
28	12/02/2025	131.853.990.527	5.833.205,24	22.604	45
29	13/02/2025	131.642.861.146	5.837.305,10	22.552	(52)
30	14/02/2025	132.631.362.588	5.845.673,04	22.689	137
31	17/02/2025	134.325.225.527	5.906.890,78	22.740	51
32	18/02/2025	133.826.681.381	5.908.894,70	22.648	(92)
33	19/02/2025	135.126.991.594	5.945.990,86	22.726	78
34	20/02/2025	136.085.841.029	5.954.532,74	22.854	128
35	21/02/2025	137.026.977.725	5.968.660,42	22.958	104
36	24/02/2025	137.752.006.879	5.986.947,71	23.009	51
37	25/02/2025	138.414.837.657	5.992.078,14	23.100	91
38	26/02/2025	137.758.545.718	5.978.926,80	23.041	(59)
39	27/02/2025	138.506.658.380	6.029.689,97	22.971	(70)
40	28/02/2025	139.281.186.380	6.046.186,74	23.036	65
41	01/03/2025	139.687.680.589	6.074.567,93	22.995	(41)
42	03/03/2025	139.670.994.165	6.074.567,93	22.993	(2)
43	04/03/2025	140.380.228.540	6.090.432,60	23.049	56

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Báo cáo tài chính

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	CCQ	VND	VND
44	05/03/2025	141.692.811.079	6.092.495,13	23.257	208
45	06/03/2025	142.800.847.078	6.174.554,89	23.127	(130)
46	07/03/2025	144.214.692.855	6.184.046,64	23.320	193
47	10/03/2025	145.095.926.594	6.197.858,45	23.411	91
48	11/03/2025	145.907.759.791	6.215.331,19	23.475	64
49	12/03/2025	147.987.572.177	6.278.471,82	23.571	96
50	13/03/2025	147.850.223.488	6.294.306,83	23.490	(81)
51	14/03/2025	147.736.509.106	6.337.646,89	23.311	(179)
52	17/03/2025	148.076.303.501	6.366.230,13	23.260	(51)
53	18/03/2025	149.213.022.340	6.384.996,41	23.369	109
54	19/03/2025	148.890.981.097	6.397.858,25	23.272	(97)
55	20/03/2025	148.235.178.411	6.392.358,23	23.189	(83)
56	21/03/2025	148.506.781.042	6.404.175,20	23.189	-
57	24/03/2025	148.296.803.581	6.413.597,84	23.122	(67)
58	25/03/2025	149.951.402.983	6.441.567,61	23.279	157
59	26/03/2025	150.306.741.052	6.452.333,58	23.295	16
60	27/03/2025	151.249.148.964	6.497.872,69	23.277	(18)
61	28/03/2025	150.955.055.195	6.520.386,61	23.151	(126)
62	31/03/2025	152.597.785.026	6.642.916,10	22.972	(179)
63	01/04/2025	144.505.616.649	6.282.808,98	23.000	28
64	02/04/2025	146.085.621.319	6.302.101,94	23.180	180
65	03/04/2025	146.302.861.918	6.321.929,10	23.142	(38)
66	04/04/2025	136.576.963.979	6.315.389,81	21.626	(1.516)
67	08/04/2025	136.681.339.464	6.370.071,65	21.457	(169)
68	09/04/2025	128.532.461.128	6.353.053,18	20.232	(1.225)
69	10/04/2025	126.095.720.932	6.347.622,98	19.865	(367)
70	11/04/2025	135.160.441.372	6.346.530,16	21.297	1.432
71	14/04/2025	143.810.732.132	6.549.500,39	21.958	661
72	15/04/2025	145.546.878.661	6.588.678,17	22.090	132
73	16/04/2025	144.398.111.352	6.613.822,94	21.833	(257)
74	17/04/2025	144.015.897.309	6.635.072,42	21.705	(128)
75	18/04/2025	144.772.642.228	6.650.014,78	21.770	65
76	21/04/2025	145.779.477.547	6.670.908,14	21.853	83
77	22/04/2025	145.148.691.116	6.681.930,85	21.723	(130)
78	23/04/2025	144.221.557.397	6.685.089,42	21.574	(149)
79	24/04/2025	149.157.943.130	6.792.327,84	21.960	386
80	25/04/2025	149.652.326.952	6.797.981,61	22.014	54
81	28/04/2025	149.580.848.556	6.806.291,55	21.977	(37)
82	29/04/2025	149.356.302.882	6.808.069,66	21.938	(39)
83	01/05/2025	150.615.726.872	6.831.042,62	22.049	111
84	05/05/2025	150.580.198.460	6.831.042,62	22.044	(5)
85	06/05/2025	152.123.042.257	6.843.591,02	22.229	185
86	07/05/2025	153.587.195.803	6.888.154,03	22.297	68
87	08/05/2025	154.356.150.615	6.907.882,72	22.345	48
88	09/05/2025	156.514.525.946	6.934.563,10	22.570	225

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Báo cáo tài chính

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	CCQ	VND	VND
89	12/05/2025	156.865.263.356	6.947.105,42	22.580	10
90	13/05/2025	159.715.528.183	6.956.472,25	22.959	379
91	14/05/2025	159.830.884.316	6.920.649,17	23.095	136
92	15/05/2025	161.899.536.221	6.954.969,52	23.278	183
93	16/05/2025	162.127.327.455	6.951.364,68	23.323	45
94	19/05/2025	160.531.233.276	6.941.882,89	23.125	(198)
95	20/05/2025	160.694.973.816	6.962.854,16	23.079	(46)
96	21/05/2025	163.806.226.544	6.981.377,18	23.463	384
97	22/05/2025	164.836.194.016	6.983.595,68	23.603	140
98	23/05/2025	164.168.462.418	7.001.789,04	23.447	(156)
99	26/05/2025	164.361.027.629	6.997.929,98	23.487	40
100	27/05/2025	165.110.764.354	6.987.532,39	23.629	142
101	28/05/2025	166.889.300.728	7.034.126,19	23.726	97
102	29/05/2025	167.017.276.843	7.020.483,66	23.790	64
103	30/05/2025	167.808.679.647	7.026.565,96	23.882	92
104	01/06/2025	166.923.644.602	7.035.234,59	23.727	(155)
105	02/06/2025	166.913.889.203	7.035.234,59	23.725	(2)
106	03/06/2025	167.428.212.008	7.033.669,48	23.804	79
107	04/06/2025	168.246.215.012	7.023.778,34	23.954	150
108	05/06/2025	169.592.878.748	7.086.354,20	23.932	(22)
109	06/06/2025	170.252.946.740	7.125.397,32	23.894	(38)
110	09/06/2025	169.227.094.136	7.133.540,42	23.723	(171)
111	10/06/2025	167.680.028.910	7.137.731,31	23.492	(231)
112	11/06/2025	169.238.197.424	7.166.924,63	23.614	122
113	12/06/2025	170.142.490.815	7.212.387,72	23.590	(24)
114	13/06/2025	171.481.872.027	7.214.435,81	23.769	179
115	16/06/2025	171.851.692.564	7.227.880,65	23.776	7
116	17/06/2025	176.661.263.843	7.312.981,68	24.157	381
117	18/06/2025	178.702.595.760	7.398.635,12	24.153	(4)
118	19/06/2025	178.776.538.765	7.380.747,34	24.222	69
119	20/06/2025	179.100.071.924	7.347.687,62	24.375	153
120	23/06/2025	179.189.804.774	7.356.374,76	24.358	(17)
121	24/06/2025	188.477.253.261	7.728.610,31	24.387	29
122	25/06/2025	193.441.311.935	7.920.705,24	24.422	35
123	26/06/2025	193.001.418.529	7.919.092,36	24.372	(50)
124	27/06/2025	192.910.797.299	7.917.818,51	24.364	(8)
125	30/06/2025	196.391.617.362	8.053.373,34	24.386	22
126	01/07/2025	197.147.493.031	8.068.151,03	24.435	49
127	02/07/2025	197.612.518.143	8.086.957,09	24.436	1
128	03/07/2025	199.039.651.190	8.105.963,20	24.555	119
129	04/07/2025	199.517.117.140	8.116.992,11	24.580	25
130	07/07/2025	201.058.961.245	8.145.944,31	24.682	102
131	08/07/2025	203.871.269.495	8.198.973,34	24.865	183
132	09/07/2025	207.845.747.971	8.320.136,20	24.981	116
133	10/07/2025	210.049.304.410	8.367.595,15	25.103	122

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL****Báo cáo tài chính**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	CCQ	VND	VND
134	11/07/2025	212.309.522.776	8.423.030,77	25.206	103
135	14/07/2025	213.684.222.120	8.445.742,31	25.301	95
136	15/07/2025	215.669.219.759	8.477.000,68	25.442	141
137	16/07/2025	216.049.411.351	8.542.971,29	25.290	(152)
138	17/07/2025	217.710.103.564	8.557.136,83	25.442	152
139	18/07/2025	203.001.839.685	7.954.913,25	25.519	77
140	21/07/2025	206.007.078.296	8.011.994,25	25.712	193
141	22/07/2025	206.014.710.674	8.022.183,91	25.681	(31)
142	23/07/2025	207.673.363.346	8.057.579,79	25.774	93
143	24/07/2025	209.551.307.253	8.110.779,46	25.836	62
144	25/07/2025	209.708.417.576	8.081.926,28	25.948	112
145	28/07/2025	211.270.428.571	8.094.791,17	26.100	152
146	29/07/2025	213.749.857.767	8.110.850,46	26.354	254
147	30/07/2025	208.680.620.850	8.165.547,76	25.556	(798)
148	31/07/2025	211.959.407.510	8.189.070,15	25.883	327
149	01/08/2025	211.075.869.874	8.180.583,00	25.802	(81)
150	04/08/2025	208.885.144.909	8.091.219,45	25.816	14
151	05/08/2025	213.475.043.435	8.174.464,45	26.115	299
152	06/08/2025	217.928.740.164	8.239.200,45	26.450	335
153	07/08/2025	221.146.650.350	8.241.363,09	26.834	384
154	08/08/2025	223.498.033.430	8.258.591,81	27.062	228
155	11/08/2025	224.708.238.044	8.300.247,92	27.072	10
156	12/08/2025	225.967.096.572	8.342.676,70	27.086	14
157	13/08/2025	228.794.202.378	8.443.215,09	27.098	12
158	14/08/2025	229.809.016.030	8.476.262,42	27.112	14
159	15/08/2025	234.550.746.211	8.519.732,25	27.530	418
160	18/08/2025	235.589.540.421	8.598.354,83	27.399	(131)
161	19/08/2025	237.190.542.724	8.608.126,58	27.554	155
162	20/08/2025	240.572.219.206	8.605.420,29	27.956	402
163	21/08/2025	241.364.892.613	8.616.415,34	28.012	56
164	22/08/2025	246.036.450.664	8.653.249,11	28.433	421
165	25/08/2025	233.926.450.204	8.405.441,74	27.830	(603)
166	26/08/2025	230.585.435.647	8.443.689,80	27.309	(521)
167	27/08/2025	236.403.024.800	8.486.667,20	27.856	547
168	28/08/2025	230.350.520.116	8.260.171,12	27.887	31
169	29/08/2025	231.583.799.383	8.283.056,46	27.959	72
170	01/09/2025	238.534.808.288	8.509.632,27	28.031	72
171	03/09/2025	238.516.781.378	8.509.632,27	28.029	(2)
172	04/09/2025	239.348.423.119	8.531.699,32	28.054	25
173	05/09/2025	245.431.899.389	8.702.429,44	28.203	149
174	08/09/2025	243.862.541.457	8.712.911,84	27.989	(214)
175	09/09/2025	241.278.146.893	8.740.274,82	27.605	(384)
176	10/09/2025	244.314.450.896	8.831.485,11	27.664	59
177	11/09/2025	246.500.611.603	8.896.801,29	27.707	43
178	12/09/2025	246.493.494.999	8.911.094,02	27.661	(46)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Báo cáo tài chính

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	CCQ	VND	VND
179	15/09/2025	243.893.003.042	8.752.699,14	27.865	204
180	16/09/2025	245.690.631.121	8.774.844,80	27.999	134
181	17/09/2025	249.318.766.656	8.888.826,36	28.049	50
182	18/09/2025	248.263.903.472	8.917.736,32	27.839	(210)
183	19/09/2025	247.430.826.501	8.914.865,13	27.755	(84)
184	22/09/2025	246.600.537.350	8.916.826,85	27.656	(99)
185	23/09/2025	245.050.493.226	8.936.752,84	27.421	(235)
186	24/09/2025	246.191.795.110	8.959.686,78	27.478	57
187	25/09/2025	249.765.618.816	8.999.543,40	27.753	275
188	26/09/2025	249.598.890.786	9.004.537,64	27.719	(34)
189	29/09/2025	249.620.933.156	9.044.843,44	27.598	(121)
190	30/09/2025	249.436.938.855	9.046.210,83	27.574	(24)
191	01/10/2025	252.488.519.184	9.185.375,97	27.488	(86)
192	02/10/2025	253.969.489.218	9.195.423,11	27.619	131
193	03/10/2025	253.797.162.815	9.215.194,79	27.541	(78)
194	06/10/2025	252.810.419.497	9.221.079,78	27.417	(124)
195	07/10/2025	257.289.925.994	9.232.842,68	27.867	450
196	08/10/2025	255.360.411.728	9.211.085,06	27.723	(144)
197	09/10/2025	258.796.316.205	9.316.609,50	27.778	55
198	10/10/2025	259.843.112.319	9.319.433,49	27.882	104
199	13/10/2025	260.512.910.441	9.315.396,89	27.966	84
200	14/10/2025	262.304.859.238	9.349.326,85	28.056	90
201	15/10/2025	264.369.622.938	9.493.793,00	27.847	(209)
202	16/10/2025	263.961.952.862	9.472.911,43	27.865	18
203	17/10/2025	265.888.131.684	9.526.096,65	27.912	47
204	20/10/2025	264.402.418.495	9.555.017,10	27.672	(240)
205	21/10/2025	257.838.122.362	9.585.265,77	26.899	(773)
206	22/10/2025	260.759.880.013	9.619.571,71	27.107	208
207	23/10/2025	259.623.747.648	9.542.062,05	27.208	101
208	24/10/2025	259.726.820.944	9.561.793,52	27.163	(45)
209	27/10/2025	260.474.282.722	9.610.472,82	27.103	(60)
210	28/10/2025	259.433.092.534	9.618.691,72	26.972	(131)
211	29/10/2025	262.806.094.612	9.658.325,87	27.210	238
212	30/10/2025	264.045.247.665	9.662.878,98	27.326	116
213	31/10/2025	262.650.569.764	9.650.427,93	27.216	(110)
214	01/11/2025	262.967.030.074	9.665.664,38	27.206	(10)
215	03/11/2025	262.956.428.059	9.665.664,38	27.205	(1)
216	04/11/2025	260.837.499.466	9.664.129,50	26.990	(215)
217	05/11/2025	263.941.121.033	9.683.688,01	27.256	266
218	06/11/2025	263.349.891.208	9.690.361,02	27.176	(80)
219	07/11/2025	263.031.456.322	9.724.275,22	27.049	(127)
220	10/11/2025	261.085.128.513	9.744.595,35	26.793	(256)
221	11/11/2025	261.054.930.801	9.772.413,42	26.713	(80)
222	12/11/2025	261.790.809.528	9.770.679,83	26.794	81
223	13/11/2025	265.535.398.828	9.792.516,88	27.116	322

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Báo cáo tài chính

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	CCQ	VND	VND
224	14/11/2025	266.518.837.828	9.806.748,56	27.177	61
225	17/11/2025	266.497.060.089	9.813.946,72	27.155	(22)
226	18/11/2025	267.718.687.255	9.816.498,61	27.272	117
227	19/11/2025	268.073.568.965	9.830.156,26	27.271	(1)
228	20/11/2025	267.480.662.515	9.844.279,37	27.171	(100)
229	21/11/2025	266.274.127.853	9.823.627,61	27.105	(66)
230	24/11/2025	266.384.126.243	9.856.245,64	27.027	(78)
231	25/11/2025	266.066.182.076	9.865.835,58	26.968	(59)
232	26/11/2025	264.961.438.104	9.880.779,29	26.816	(152)
233	27/11/2025	266.636.107.385	9.889.381,06	26.962	146
234	28/11/2025	266.130.798.238	9.865.480,17	26.976	14
235	01/12/2025	266.224.702.561	9.877.727,17	26.952	(24)
236	02/12/2025	264.866.237.594	9.875.311,86	26.821	(131)
237	03/12/2025	267.524.267.281	9.920.432,65	26.967	146
238	04/12/2025	268.670.887.294	9.888.756,87	27.169	202
239	05/12/2025	270.046.397.344	9.882.849,23	27.325	156
240	08/12/2025	268.250.088.892	9.888.115,00	27.129	(196)
241	09/12/2025	266.705.705.048	9.885.252,65	26.980	(149)
242	10/12/2025	265.505.907.298	9.899.590,29	26.820	(160)
243	11/12/2025	264.931.086.182	9.886.758,08	26.797	(23)
244	12/12/2025	264.667.042.956	9.903.829,41	26.724	(73)
245	15/12/2025	260.481.011.745	9.902.783,44	26.304	(420)
246	16/12/2025	261.011.219.752	9.896.087,53	26.375	71
247	17/12/2025	264.872.690.341	9.923.986,47	26.690	315
248	18/12/2025	264.253.509.856	9.927.986,38	26.617	(73)
249	19/12/2025	264.202.063.475	9.929.969,54	26.607	(10)
250	22/12/2025	265.094.571.507	9.940.148,49	26.669	62
251	23/12/2025	268.000.213.686	9.947.120,01	26.942	273
252	24/12/2025	265.582.937.196	9.884.364,78	26.869	(73)
253	25/12/2025	266.300.460.874	9.892.163,53	26.920	51
254	26/12/2025	263.879.998.554	9.877.993,95	26.714	(206)
255	29/12/2025	264.168.989.015	9.897.342,81	26.691	(23)
256	30/12/2025	265.193.073.240	9.882.335,34	26.835	144
257	31/12/2025	265.279.004.704	9.867.216,46	26.885	50
258	01/01/2026	266.923.346.404	9.914.863,23	26.922	37

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (VND)

197.312.890.331

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm

- Mức thấp nhất trong năm (VND)

-

- Mức cao nhất trong năm (VND)

1.516

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL****Báo cáo tài chính****Tầng 12, Tòa nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025****22 . SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH**

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	CCQ	CCQ
Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	9.914.863,23	5.721.591,43

23 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

24 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có phát sinh giao dịch với Quỹ như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Các thành viên Ban Đại diện Quỹ	Ban Đại Diện Quỹ
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	Công ty Quản lý Quỹ đầu tư
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng giám sát
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)	Bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Phí dịch vụ quản lý, giám sát, quản trị, giao dịch và lưu ký quỹ	4.062.529.752	2.748.953.700
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	3.513.135.101	2.225.289.134
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	513.667.700	493.475.551
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)	35.726.951	30.189.015
Phí ngân hàng	7.237.160	5.142.297
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	7.237.160	5.142.297
Lãi tiền gửi	533.614.772	214.276.297
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	533.614.772	214.276.297

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	126.623.287	863.014
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	126.623.287	863.014
Phải trả về phí quản lý Quỹ mở	405.526.899	174.313.193
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	405.526.899	174.313.193
Phải trả về phí dịch vụ giám sát, quản trị, giao dịch và lưu ký quỹ	40.302.155	39.608.968
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	40.302.155	39.608.968
Tiền gửi thanh toán và tiền gửi phong tỏa	9.436.853.419	10.724.066.650
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	9.436.853.419	10.724.066.650
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng chỉ quỹ	463.800.898	260.196.081
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	463.800.898	260.196.081
Tiền gửi có kỳ hạn	38.000.000.000	7.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	38.000.000.000	7.500.000.000
Thù lao của Ban Đại diện Quỹ		
	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thù lao của Ban Đại diện Quỹ	168.000.000	168.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Quỹ đầu tư.

25 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo Thu nhập, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Nguyễn Thị Sao Mai
 Người lập


Phạm Thị Thu Hương
 Phụ trách kế toán


Giang Trung Kiên
 Phó Tổng Giám đốc
 Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
 Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026